

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **427/2018/HNGĐ-ST**.

Ngày: 08/11/2018.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

**** Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan - Nguyên phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

2. Bà Trương Thị Thìn - Nguyên phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thế Anh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1324/2018/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 409/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Anh Đ, sinh năm 1988.

HKTT: Tổ 22B, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Lê Đình T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 22B, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Đ có mặt, ông T có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh Đ trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Đình T tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn với nhau nhưng tình hình vẫn không cải thiện. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Tháng 11/2017, bà đã nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó bà đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông Lê Đình T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Hà C, sinh ngày 11/02/2014. Ly hôn, bà xin nuôi dưỡng cháu C và yêu cầu ông Lê Đình T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000đồng (ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Lê Đình T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Anh Đ tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, do bà Đ gặp khó khăn trong công việc nên đôi khi vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, không làm ảnh hưởng đến hàng xóm xung quanh. Bà Đ thường hay bỏ đi chơi qua đêm, không chăm lo cho chồng con, ông có khuyên nhưng bà Đ không nghe. Bà Đ đã bỏ nhà đi từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Từ khi bà Đ bỏ đi thì ông là người trực tiếp nuôi con cho đến nay, cháu khỏe mạnh và học giỏi. Nay bà Đ xin ly hôn thì ông không đồng ý vì còn thương yêu vợ con, không muốn gia đình đổ vỡ, làm ảnh hưởng đến con. Nếu bà Đ cương quyết xin ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định. Nhưng với tư cách đạo đức bỏ con đi chơi qua đêm, bỏ mặc con cái thì không có quyền đòi nuôi con.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Hà C, sinh ngày 11/02/2014. Ly hôn, ông xin được nuôi cháu C, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: có nợ chung nhưng ông không cung cấp họ tên, địa chỉ của chủ nợ và để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà Đ và ông T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà Đ yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hà C, sinh ngày 11/02/2014 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Đ trình bày không có, ông T trình bày có nợ chung nhưng không cung cấp được họ tên, địa chỉ của họ và yêu cầu tự thỏa thuận nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu các đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.**

[1] Về thẩm quyền: Bà Đ xin ly hôn với ông T có địa chỉ cư trú tại: Tổ 22B, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ, ông T có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2009, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 11, quyển số 01 ngày 14/02/2009) nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, bà Đ trình bày: vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu thì sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn với nhau nhưng tình hình vẫn không cải thiện, chúng tôi đã ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Tháng 11/2017, bà đã nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó bà đã rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi xin ly hôn với ông Lê Đình T để trả tự do cho nhau.

Ông T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, không làm ảnh hưởng đến hàng xóm xung quanh. Tuy nhiên, do bà Đ gặp khó khăn trong công việc nên đôi khi vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, không làm ảnh hưởng đến hàng xóm xung quanh. Bà Đ thường hay bỏ đi chơi qua đêm, không chăm lo cho chồng con, ông có khuyên nhưng bà Đ không nghe. Bà Đ đã bỏ nhà đi từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Ông không đồng ý vì còn thương yêu vợ con, không muốn gia đình đổ vỡ, làm ảnh hưởng đến con nhưng nếu bà Đ cương quyết xin ly hôn thì đề

ngiht giải quyết theo quy định. Nhưng với tư cách đạo đức bỏ con đi chơi qua đêm, bỏ mặc con cái thì không có quyền đòi nuôi con.

Qua xác minh tại địa phương ngày 05/9/2018 thì địa phương không biết được vợ chồng ông T, bà Đ có xảy ra mâu thuẫn hay không vì không trình báo địa phương. Tuy nhiên hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay.

Từ đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà Đ là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ, giải quyết cho bà Đ được ly hôn với ông T để trả tự do cả hai là phù hợp.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Hà C, sinh ngày 11/02/2014.

Xét thấy, ông T và bà Đ đều yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C. Tuy nhiên, kể từ khi ông T, bà Đ sống ly thân thì cháu C ở cùng với ông T và được ông T chăm sóc tốt về mọi mặt. Do đó, để không ảnh hưởng đến cuộc sống ổn định của cháu C nên giao cháu C cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: bà Đ trình bày không có, ông T trình bày có nợ chung nhưng không cung cấp được họ tên, địa chỉ của họ và yêu cầu tự thỏa thuận nên tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Đ phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 228, 233, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 131 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu “Ly hôn” của bà Nguyễn Thị Anh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh Đ được ly hôn với ông Lê Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hà C, sinh ngày 11/02/2014 cho ông Lê Đình T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm thời bà Nguyễn Thị Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì không trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung nên bà Đ được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết ông bà có quyền yêu cầu thay đổi vị trí nuôi các con và mức cấp dưỡng nuôi các con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Anh Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa theo biên lai thu số 007495 ngày 28/5/2018.

5. Bà Nguyễn Thị Anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Đình T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS TP. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự TP. Biên Hòa;
- UBND Xã l. H. T,
- T. Đồng Nai.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

THẨM

- Tòa án tỉnh
- VKS TP Biên Hòa
- Các đương sự
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ
- UBND P. Tam Hiệp, TP Biên Hòa
- Lưu VP

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Hạnh